

KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ TỈNH ỦY LẦN THỨ 14, KHÓA XIX
về sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016
của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 (khóa XIX) về cải cách hành chính,
nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2016 - 2020

Ngày 06/12/2018, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 14, khóa XIX tiến hành sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 (khóa XIX) về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 (viết tắt là Nghị quyết 05) đã kết luận như sau:

I. Về kết quả thực hiện Nghị quyết 05

Công tác cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết 05 được thực hiện tương đối linh hoạt, toàn diện cả sáu nhiệm vụ: cải cách thể chế; cải cách thủ tục; xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách chế độ công vụ, công chức; đổi mới cơ chế quản lý tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính. Thể chế của nền hành chính tiếp tục được cải cách, hoàn thiện; công tác kiểm soát, ban hành mới, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; chất lượng, tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật từng bước được nâng lên. Tổ chức, bộ máy từng bước được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu, chuẩn hóa theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã tạo nhiều thuận lợi cho tổ chức, công dân trong giao dịch, nhất là giải quyết thủ tục đầu tư, kinh doanh, đất đai, giao thông vận tải, xây dựng... Cải cách tài chính công đạt được kết quả tích cực. Việc ứng dụng công nghệ thông tin được chú trọng thực hiện; hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu công việc góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Tuy nhiên, việc triển khai các nội dung cải cách hành chính chưa quyết liệt, đồng bộ; chất lượng, tính khả thi một số văn bản quy phạm pháp luật còn thấp; thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân; tình trạng trễ hẹn trong giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính vẫn còn; cơ chế một cửa ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, thực hiện chưa đúng quy trình. Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế còn khó khăn, tổ chức bộ máy nhiều nơi còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, đầu mối, hoạt động kém hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, mức độ tự chủ tài chính chưa cao, chất lượng dịch vụ còn hạn chế; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm, ý thức phục vụ tổ chức, cá nhân của một bộ phận công chức, viên chức còn hạn chế. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành của các cơ quan hành chính chưa triệt để. Việc cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn ít; tổ chức và công dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa nhiều. Các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) chưa được cải thiện.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do: Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị hành chính nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng, vai trò, nhiệm vụ cải cách hành chính; kỷ luật, kỷ cương có nơi chưa nghiêm; trình độ, năng lực của một số cán bộ, công chức tham mưu, phụ trách, thực hiện công tác cải cách hành chính ở các cấp, các ngành còn hạn chế, thiếu tinh thần trách nhiệm, ngại đổi mới, chưa tận tâm phục vụ, hỗ trợ tổ chức và cá nhân. Việc quản lý, phân công, phân nhiệm thiếu chặt chẽ, chưa rõ ràng; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức còn nể nang, ngại va chạm, chưa dựa trên kết quả, hiệu quả công việc. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác cải cách hành chính chưa thường xuyên. Nguồn lực (tài chính và nhân lực) bố trí cho công tác cải cách hành chính hạn chế; điều kiện, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác cải cách hành chính. Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương về tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị chưa sửa đổi kịp thời và đồng bộ.

II. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thời gian đến

1. Tập trung khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra sau 02 năm thực hiện Nghị quyết 05. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện tốt quan điểm, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về cải cách

hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính được xác định trong Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy khóa XIX.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở các ngành, các cấp nhằm bảo đảm hiệu lực, chất lượng, tính khả thi cao; đẩy mạnh thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, lấy công tác này làm trọng tâm để thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay; đưa các thủ tục hành chính ở các cơ quan, đơn vị vào Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ, nhất là các thủ tục hành chính mà người dân đang bức xúc (đất đai, xây dựng...); đơn giản hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính; thường xuyên rà soát, loại bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, không cần thiết để giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân trong giao dịch hành chính. Thường xuyên tổ chức kiểm tra đột xuất, chuyên đề về công tác cải cách hành chính tại một số sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công thành phố Quảng Ngãi, huyện Đức Phổ, huyện Sơn Hà, bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, tiết kiệm thời gian trong giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất việc giải quyết thủ tục hành chính, nhất là tại cấp huyện, cấp xã và kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm, những nhiễu, tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính.

5. Khẩn trương thực hiện các giải pháp cải thiện các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

6. Thực hiện tốt việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo Kế hoạch số 125-KH/TU, số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt

động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương.

7. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức. Có kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý để đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện về ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; bảo đảm nguyên tắc công khai, khách quan, minh bạch, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

8. Kiểm soát chặt chẽ cơ chế lập, phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; chi thường xuyên và đầu tư công; đẩy mạnh xã hội hóa những lĩnh vực tư nhân có thể đầu tư.

9. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng chính quyền điện tử, công dân điện tử. Tiếp tục quy trình hóa việc giải quyết công việc của cơ quan hành chính theo tiêu chuẩn ISO.

III. Tổ chức thực hiện

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức quán triệt, cụ thể hóa văn bản chỉ đạo thực hiện Kết luận này phù hợp với thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết 05 và Kết luận này.

3. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch và bố trí nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 05 và Kết luận này.

4. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh tuyên truyền, phổ biến, vận động hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng thực hiện và tích cực tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết 05 và Kết luận này.

5. Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy phối hợp với Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi việc thực hiện Nghị quyết 05 và Kết luận này; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy biết, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các ban đảng Trung ương,
- Các vụ địa phương tại Đà Nẵng,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh,
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc TU,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C, PVPTU; P. Tổng hợp, Kinh tế,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Lê Viết Chử